TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày 22-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hương

Ông Trần Ngọc Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; Địa chỉ trụ sở: Số 198 B, quận C, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông D - Chức vụ: Phó Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng TMCP A chi nhánh E là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 299/UQ-VCB-NHP ngày 20/5/2019); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông TVT; ĐKHKTT: Thôn F, xã G, huyện H, Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 49/43 I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà NLQ; nơi cư trú: Số 49/43 I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 11 năm 2018, bản tự khai và các lời khai tại tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn của ông TVT, Ngân hàng TMCP A chi nhánh E đã thẩm định và cho ông TVT vay vốn theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 70/2017/HĐTD-BĐS ngày 26/5/2017, giấy nhận nợ số 70/2017/GNN-BĐS ngày 26/5/2017 với tổng số tiền cho vay là 460.000.000đồng, mục đích vay để sửa chữa nhà ở gắn liền với đất, lãi suất vay 7,7%/năm. Ngoài ra, hợp đồng tín dụng được hai bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, về quyền và nghĩa vụ của hai bên. Để đảm bảo cho khoản vay của ông TVT, bà NLQ đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 424 tờ bản đồ số 18, diện tích 85,5m2 tại địa chỉ: Số 49/43 I, phường J, quận K, Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP427203 do Ủy ban nhân dân quận K cấp ngày 16/7/2014 cho bà NLQ. Việc thế chấp đã được bà NLQ thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 70/2017/HĐTC-BĐS ngày 26/5/2017 và được đăng ký theo đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận K theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân và ông TVT đã nhận đủ số tiền vay theo khế ước nhận nợ số 70/2017/GNN-BĐS ngày 26/5/2017. Tuy nhiên ông TVT đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng, cụ thể tính đến ngày 21/5/2019 ông TVT còn nợ số tiền là 470.888.134đồng (trong đó nợ gốc là 416.160.000đồng, nợ lãi trong hạn là 53.637.933đồng, nợ lãi quá hạn là 1.090.201đồng). Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, trao đổi, làm việc yêu cầu ông TVT thanh toán cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên, tuy nhiên ông TVT không thực hiện việc trả nợ. Do ông TVT đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông TVT có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 21/05/2019 là 470.888.134đồng (trong đó nợ gốc là 416.160.000đồng, nợ lãi trong hạn là 53.637.933đồng, nợ lãi quá hạn là 1.090.201đồng). Nếu ông TVT không thanh toán được khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 424 tờ bản đồ số 18, diện tích 85,5m^2 tại địa chỉ: Số 49/43 I, phường J, quận K, Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP427203 do Ủy ban nhân dân quận K cấp ngày 16/7/2014 cho bà NLQ (là vợ của ông TVT).

Bị đơn là ông TVT trình bày: Việc ông TVT và Ngân hàng ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 70/2017/HĐTD-BĐS ngày 26/5/2017 là hoàn toàn tự nguyện và đã nhận đủ số tiền 460.000.000đồng giải ngân theo giấy nhận nợ số 70/2017/GNN-BĐS ngày 24/5/2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do làm ăn kinh tế khó khăn nên ông TVT đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo

hợp đồng tín dụng đã ký. Nay Ngân hàng khởi kiện đối với ông, quan điểm của ông khi nào có điều kiện sẽ trả nợ cho Ngân hàng, nếu không thanh toán được nợ thì ông là đồng ý để Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp là nhà đất tại số 49/43 I, phường J, quận K, Hải Phòng theo như hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho khoản vay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà NLQ trình bày: Bà và ông TVT là vợ chồng. Giữa ông TVT và Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng, theo đó ông TVT vay số tiền là 460.000.000đồng và bà đồng ý dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 424 tờ bản đồ số 18, diện tích 85,5m2 tại địa chỉ: Số 49/43 I, phường J, quận K, Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP427203 do Ủy ban nhân dân quận K cấp ngày 16/7/2014 cho bà NLQ để đảm bảo cho khoản vay của ông TVT. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch đảm bảo được và NLQ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Nay ông TVT vi phạm nghĩa vụ trả nợ, quan điểm của bà là đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để ông TVT được thanh toán dần khoản nợ đến hạn, nếu không thanh toán được bà đồng ý để Ngân hàng phát mại tài sản mà bà đã thế chấp.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa và lời khai của các bên đương sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 280, 298, 299, 303, 304, 317, 320, 463, 466, 468, 500 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 32, 33 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000; các điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông TVT phải thanh toán khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng, trường hợp ông TVT không thanh toán được khoản nợ thì phát mại tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn là ông TVT và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà NLQ vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị bị đơn là ông TVT phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng tính đến ngày 21/5/2019 là 470.888.134đồng (trong đó nợ gốc là 416.160.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 53.637.933đồng, nợ lãi quá hạn là 1.090.201đồng).

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa đã xác định được: Giữa Ngân hàng và ông TVT có quan hệ hợp đồng tín dụng. Theo đó Ngân hàng đã ký với ông TVT Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 70/2017/HĐTD-BĐS ngày 26/5/2017 và được giải ngân theo giấy nhận nợ số 70/2017/GNN-BĐS ngày 26/5/2017. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ và đúng hạn cho bên vay nhưng sau đó bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không thanh toán đầy đủ các khoản nợ từ thời điểm tháng 2 năm 2018 cho đến nay. Ngân hàng đã đôn đốc trả nợ nhiều lần nhưng không có kết quả. Tính đến ngày 21/5/2019 ông TVT còn nợ số tiền là 470.888.134 đồng (trong đó nợ gốc là 416.160.000đồng, nợ lãi trong hạn là 53.637.933đồng, nợ lãi quá hạn là 1.090.201đồng).

Xét hợp đồng tín dụng được ký giữa ông TVT và đại diện của Ngân hàng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực và ràng buộc quyền, nghĩa vụ đối với cả hai bên. Trong quá trình giải quyết vụ án ông TVT thừa nhận việc vay tiền của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nói trên là đúng, đồng thời thừa nhận vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không có ý kiến gì về việc Ngân hàng đưa ra số nợ gốc cũng như nợ lãi và lãi quá hạn. Như vậy đủ cơ sở kết luận bị đơn đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng tín dụng, chậm thanh toán các khoản nợ đến hạn nên việc Ngân hàng kiện đòi nợ là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Để đảm bảo cho khoản vay của ông TVT tại Ngân hàng, bà NLQ đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 70/2017/HĐTC-BĐS ngày 26/5/với nội dung thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (của bên thứ ba) là quyền sử dụng 85,5m2 đất ở và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa

đất số 424 tờ bản đồ số 18 địa chỉ: Số 49/43 I, phường J, quận K, Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP427203 do Ủy ban nhân dân quận K cấp ngày 16/7/2014 cho bà NLQ đồng thời đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận K theo đúng quy định của pháp luật.

Xét hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa chủ tài sản với Ngân hàng, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, được chứng thực của Phòng công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định tại các Điều 298, 317, 500 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 280, 298, 299, 303, 304, 317, 463, 466, 468, 500 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 32, 33 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000; các điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, buộc:

1.1 Buộc ông TVT có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tính đến hết ngày 21/5/2019 là 470.888.134 đồng (trong đó nợ gốc là 416.160.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 53.637.933 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.090.201 đồng).

Ông TVT vẫn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc tính từ ngày 22/5/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 70/2017/HĐTD-BĐS ngày 26/5/2017 và giấy nhận nợ số 70/2017/GNN-BĐS ngày 26/5/2017 ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Avới ông TVT.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì ông TVT phải tiếp tục

thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo lãi suất được điều chỉnh trên cơ sở quy định của pháp luật.

1.2. Trường hợp ông TVT không trả được nợ (bao gồm cả nợ gốc và lãi) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 85,5m^2 đất ở và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 424 tờ bản đồ số 18 địa chỉ: Số 49/43 I, phường J, quận K, Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP427203 do Ủy ban nhân dân quận K cấp ngày 16/7/2014 cho bà NLQ (là vợ của ông TVT) để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền trên cho Ngân hàng.

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng mà còn thừa thì được trả lại cho bà NLQ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông TVT phải trả tiếp phần còn thiếu đó cho Ngân hàng.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông TVT có nghĩa vụ nộp 22.835.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 10.980.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tiền số 0008057 ngày 04/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, Hải Phòng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phương